TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HS-ST
Ngày 27-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ông Lương Văn Thoại

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2020/TLST – HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị Th; Sinh năm 1974; HKTT: Phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; Tạm trú: N, khu 2 phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Phú B, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Có chồng đã ly hôn và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 000000123 lập ngày 24/02/2020 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: không; Đã bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020 đến ngày 27/02/2020, Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2020 đến nay. "Có mặt".

* *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1951; Trú tại: thôn 6 xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội. Người đai diện theo ủy quyền của bà Đ là chị Thạch Thị H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn 6, xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội. "Bà Đ và chị H cùng vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 05 giờ ngày 30/11/2019, Th đi xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen vàng (Th chỉ nhớ hai số đầu của biển kiểm soát là 64) từ Hải Dương đến N, L, Hà Nội để mua quần áo. Khi đến chợ N, Th có nghe nói gần chợ có người xem tử vi hay tên là B, có vợ tên Đ. Đến khoảng 07 giờ Thành hỏi đường đi đến nhà ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1948 ở thôn 6, xã Đ để xem tử vi. Khi Th đến nhà ông B thì cổng ngoài và cửa nhà mở nên Th đi vào sân vào nhà, Th nhìn thấy bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông B) đang ngồi ở giường dưới tầng một nên tiến lại ngồi cạnh bên tay phải bà Đ. Th hỏi bà Đ "Ông B có nhà không? Người nhà đi đâu hết rồi" thì bà Đ trả lời "Ông B không có nhà. Người nhà đi làm hết, chỉ còn có một người con dâu đang ngủ trên tầng 2". Lúc này, Th nhìn thấy cổ bà Đ đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Th tiếp tục hỏi bà Đ "Sợi dây chuyền mấy chỉ"? Bà Đ trả lời "Sợi dây chuyền năm chỉ". Lợi dụng lúc bà Đ không để ý, Th lén lút dùng hai tay tháo sợi dây chuyền trên cổ của bà Đ. Sau đó Th cầm sợi dây chuyền trên tay trái và đi ra ngoài cửa. Lúc này bà Đ nhìn thấy và hỏi "Mày cầm sợi dây chuyền của tao đi đâu" thì Th trả lời "Cháu mang ra đây một tý, lát cháu quay lại". Sau đó Th điều khiển xe máy đi T, Bắc Ninh, vào một cây ATM của Ngân hàng Agribank để rút tiền và đi về hướng Hải Dương. Trên đường về, Th bán 01 sợi dây chuyền bằng vàng vừa trộm cắp của bà Đ cho một cửa hàng vàng bạc không rõ địa chỉ ở khu vực Phố N, Hưng Yên với giá 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 21/02/2020 Thành đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện L đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐG ngày 20/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 05 chỉ loại vàng 9999, đã qua sử dụng có giá trị: 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Th khai nhận lợi dụng bà Nguyễn Thị Đ già yếu, phản ứng chậm nên đã lén lút tháo trộm sợi dây chuyền vàng mà bà Đ đang đeo ở cổ rồi đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân vào ngày 30/11/2019. Ngày 21/02/2020 Th đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện L đầu thú do ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th, đã nhận lại đầy đủ tiền bồi thường thiệt hại từ bị cáo Th, nay không còn yêu cầu gì khác về dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa:

+ Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng truy tố, không sửa đổi

bổ sung gì.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đưa ra tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thực hiện hành vi cố ý, tuy nhiên bị cáo nhân thân chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, đã đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo lấy đó làm các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Về hình phạt, đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Thành từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, ghi nhận bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020 đến ngày 27/02/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về dân sự không. Vật chứng không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét bị cáo Th lén lút tháo sợi dây chuyền vàng 9999 với trọng lượng 05 chỉ trị giá 20.600.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ đang đeo trên cổ mà bà Đ không biết vào khoảng 7 giờ ngày 30/11/2019 tại nhà bà Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ, khi bị cáo chuẩn bị rời nhà bà Đ đi thì bà Đ đã phát hiện, đã hỏi bị cáo nhưng bị cáo vẫn không trả lại, thể hiện bị cáo quyết tâm thực hiện hành vi đến cùng, thể hiện sự liều lĩnh của bị cáo, cần phải xử bị cáo một mức án trong khung hình phạt để răn đe. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo thành khẩn ăn năn hối cải; đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại; đã đầu thú, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là Phạm Phú B được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, mẹ là Nguyễn Thị T được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất lấy đó làm các tình tiết giảm nhẹ cho bị

cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có từ 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét không cần cách ly bị cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và cũng đảm bảo việc giáo dục, răn đe chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa bị cáo khai có nghề nghiệp làm kế toán thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Xét thu nhập không cao, đã ly hôn, nuôi 02 con nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ không có yêu cầu gì về dân sự, ghi nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bà Nguyễn Thị Đ, HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Vật chứng: Không.

[5]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Th phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 147 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị Th 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Thành về UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Th đã bồi thường xong 20.600.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Đ.

Về vật chứng: Không

Về án phí: Bị cáo Thành phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo Th có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện hợp pháp của bà Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- BÞ c¸o;
- Tßa ¸n nh©n d©n TP Hµ Néi;
- C«ng an huyÖn Gia L©m;
- VKSND huyÖn Gia L©m;
- THADS huyÖn Gia L©m;
- L-u hå s¬ vô ¸n;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương